| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 1402/2024/QĐST-HNGĐ | *Quận G, ngày 30 tháng 10 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1138/2024/HNST, ngày 01/10/2024 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Trần Thị Thanh D; địa chỉ: Số H đường L, Phường B, quận G và ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Số M đường H, Phường B, quận P.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà D và ông T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 150, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận G cấp ngày 30/8/2011.

[2] Theo đơn yêu cầu thuận tình ly hôn; Biên bản hòa giải đoàn tụ ngày 22/10/2024. Bà D và ông T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Ông bà không có con chung. Tài sản chung, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã tiến hành hòa giải. Xét thấy, bà D và ông T thật sự tự nguyện ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. 1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh D và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 150, quyền số 01/2011 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận G cấp ngày 30/8/2011 không còn hiệu lực.

1.2. Về con chung: Bà D và ông T không có con chung

1.3. Về tài sản chung: Bà D và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Bà D và ông T chịu. Cấn trừ tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu số 0014495, ngày 26/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận G. Bà D và ông T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự**;**
- VKSND quận G;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS quận G;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thu Hạnh**